

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2022/DS-PT

Ngày: 01/12/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Vân;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 306/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn R** (Tên gọi khác: **Tư G**), sinh năm 1947;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn R: Ông **Đoàn Văn Th**, sinh năm 1971; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố x, Phường y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền được công chứng số 3673 ngày 07/3/2022)

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn T: Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1963; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố m, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền công chứng số 2497 ngày 29/8/2022.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn **Lê Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08-3-2022, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27-7-2022; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Do là chỗ quen biết nhau nên ngày 17-4-2020, ông R có cho anh Lê Văn T vay tiền số tiền là 6.000.000 đồng, ngay sau đó anh T vay thêm số tiền là 7.000.000 đồng. Đến ngày 10-9-2020 anh T tiếp tục vay thêm số tiền 7.000.000 đồng nữa. Tổng cộng ông R cho anh T vay số tiền là 20.000.000 đồng, việc vay tiền có làm biên nhận do anh T viết và ký tên, ghi họ tên (Bút lục số 32). Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là khi nào ông R cần thì anh T trả lại và anh T trả lãi hàng tháng theo mức lãi suất quy định của Nhà nước cho ông R. Tuy nhiên, sau khi vay đến nay thì anh T không trả tiền lãi và tiền gốc cho ông R, ông R nhiều lần yêu cầu anh T trả số tiền trên nhưng anh T vẫn không thực hiện.

Nay ông R khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12-9-2020 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 12-8-2022) là 23 tháng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, thành tiền là $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng} = 3.818.000 \text{ đồng}$.

*** Đối với bị đơn anh Lê Văn T:** Trong quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, anh T vắng mặt, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông R.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 50/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn R (tên gọi khác: Tư Gõ).

Buộc anh Lê Văn T trả cho ông Lê Văn R số tiền 23.818.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm mười tám nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.818.000 đồng (ba triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Văn R (đối với các khoản tiền anh T phải trả cho ông R) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/8/2022 bị đơn Lê Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn R do ông T không có nợ ông R số tiền 23.818.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 3.818.000 đồng). Vì anh T không có vay của ông R số tiền 20.000.000 đồng. Giấy biên nhận nợ 20.000.000 đồng ông R giao cho TAND huyện T là giấy biên nhận giả. (Bút lục số 78)

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là đồng ý trả cho ông R 13.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kèm theo. Anh Đoàn Văn Th đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Văn R không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, đề nghị giữ y án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được T hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng vốn và 3.818.000 đồng tiền lãi là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án vì biên nhận nợ của anh T chỉ thể hiện số tiền vay 13.000.000 đồng còn phần 7.000.000 đồng ghi không R ràng, không có chữ ký của anh T. Anh T không thừa nhận có vay 7.000.000 đồng ngày 10/9/2020. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của anh T thay đổi yêu cầu kháng cáo, chấp nhận trả cho ông R 13.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi kèm theo. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T. Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa án sơ thẩm. Buộc anh T trả cho ông R 13.000.000 đồng tiền vốn và 2.481.700 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe người đại diện các đương sự trình bày, tranh luận. Ý kiến phát biểu nhận xét và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Bị đơn Lê Văn T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, đúng theo Điều 271, 272, 273 và khoản 3 Điều 296 của BLTTDS nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn Lê Văn R ủy quyền cho Đoàn Văn Th. Bị đơn Lê Văn T ủy quyền cho Phan Văn D tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm. Việc ủy quyền được thực hiện đúng với Điều 85, 86 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định

tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS Điều 166, 275, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của BLDS năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn Lê Văn R trình bày: Vào năm 2020 có cho bị đơn Lê Văn T vay 03 lần với số tiền 20.000.000 đồng vào các ngày 17/4/2020 và ngày 10/9/2020. Khi vay anh T có làm biên nhận ký tên và thỏa thuận miệng anh T trả lãi hàng tháng theo quy định của nhà nước. Tuy nhiên sau khi vay anh T không trả vốn và tiền lãi nên ông R khởi kiện yêu cầu anh T trả cho ông 20.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất 0,83%/tháng (từ ngày 12/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/8/2022 là 23 tháng thành tiền 3.818.000 đồng.

Về phía bị đơn Lê Văn T: Suốt quá trình Tòa sơ thẩm thụ lý vụ án đến ngày xét xử. Tòa sơ thẩm đã T hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T đều vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ và cũng không trả lời bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn R. Cho đến sau khi Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R, buộc anh T trả cho ông R 23.818.000 đồng tiền vốn và lãi thì anh T mới nộp đơn kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền của anh T thay đổi yêu cầu kháng cáo, chấp nhận trả cho ông R 13.000.000 đồng tiền vốn vay theo biên nhận và tiền lãi phát sinh theo luật định, yêu cầu này là có cơ sở phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận. Bởi lẽ tài liệu do ông R cung cấp làm chứng cứ khởi kiện anh T có ký nhận nợ ngày 17/4/2020 số tiền 13.000.000 đồng. Còn phần ông R yêu cầu trả 7.000.000 đồng vay ngày 10/9/2020 chỉ thể hiện “10-9-20=7.000” rồi gạch dưới ghi tổng cộng “20.000” thì không thể chứng minh anh T có vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày này. Vì anh T không thừa nhận có vay số tiền đó và cũng không có cơ sở chứng minh anh Tuấn có vay của ông R tổng cộng 20.000.000 đồng. (Bút lục số 32)

Do đó HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của anh T do anh D đại diện. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm. Buộc anh T trả cho ông R 13.000.000 đồng vốn vay. Về tiền lãi tính từ ngày ký biên nhận nợ đến ngày tòa sơ thẩm xét xử là 23 tháng, tính lãi theo khoản 2 Điều 468 BLDS bằng 0,83%/tháng thành tiền 2.481.700 đồng.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí DSST Điều 147 và không phải chịu án phí DSPT theo khoản 2 Điều 148 của BLTTDS.

- Ông Lê Văn R được miễn án phí DSST theo quy định tại khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, 313 của BLTTDS; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn T do ông Phạm Văn D làm đại diện.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của TAND huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 166, 275, 351, 357, 463, 466 của BLDS năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn R (Tư G). Buộc anh Lê Văn T trả cho ông R 13.000.000 đồng tiền vốn và 2.481.700 đồng tiền lãi, tổng cộng 15.481.700 đồng.

Kể từ ngày ông R có đơn yêu cầu thi hành án, Nếu anh T chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn R, đòi anh Lê Văn T trả 7.000.000 đồng tiền vay ngày 10/9/2020 và tiền lãi kèm theo.

3. Về án phí:

- Anh Lê Văn T phải chịu 774.000 đồng tiền án phí DSST.

- Ông Lê Văn R được miễn tiền án phí DSST đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận do ông R là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Trả lại anh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003190 ngày 25/8/2022 của Chi cục THADS huyện T, tỉnh Tiền Giang

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải